

Bản án số: **29/2019/HNGĐ- ST**

Ngày: 28/6/2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/ TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trương Thị Thu Th**, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp số 26/10, đường Trần Quý Cáp, khu phố 6, phường AB, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* anh **Tôn Hiếu H**, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Trung Hòa, xã Đông Hòa, huyện AMi, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2018; bản tự khai ngày 21/5/2019 nguyên đơn Trương Thị Thu Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Trương Thị Thu Th và Tôn Hiếu H chung sống với nhau từ năm 2007, đến ngày 01/7/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn chỉ vì

hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cự cãi, chị phải đi làm thuê để kiếm tiền nuôi con, anh H thì không lo làm ăn mà thích đi chơi với bè bạn, rượu bê tha, không quan tâm chia sẻ lúc khó khăn với vợ cho nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn, đến năm 2014 chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, sinh sống cho đến nay.

Từ khi chị Th đi về nhà cha mẹ ruột sống, gia đình có tổ chức hòa giải động viên cho chị và anh H về đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý chị xác định chị và anh H không còn tình cảm vợ chồng không thể sống với nhau được, nên chị quyết định ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H có 01 con chung tên Tôn Hiếu Vinh, sinh ngày 04/02/2008. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Bị đơn Anh Tôn Hiếu H vắng mặt lần thứ hai không lý do;
- Kiểm sát viên phát biểu về thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định, Người tham gia tố tụng nguyên đơn thực đúng quyền và nghĩa vụ của mình, đối với và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

Chị Th và anh H chung sống với nhau đến ngày 2007 đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường AB, Thành phố Rạch Giá, vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn đến năm 2014 do mâu thuẫn càng nhiều hơn nên chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Chị Th và anh H đã sống ly thân với nhau một thời gian dài không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nay chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh H, nhưng anh H không ý kiến và không làm văn bản giấy tờ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bản thân anh. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Th và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th được ly hôn với Tôn Hiếu H; về con chung, chị Th và anh H có 01 con chung tên Tôn Hiếu Vinh sinh 2008. Từ khi hai người ly thân đến nay do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay các cháu Vinh có nguyện vọng được sống với chị Th. Thấy rằng, việc yêu cầu của chị Th phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Vinh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Th, giao cháu Hiếu Vinh cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: chị Th xác định không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th yêu cầu xin được ly hôn với anh Tôn Hiếu H, về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi chị Thảo khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh H, cư trú và làm ăn sinh sống tại ấp Trung Hòa, xã Đông Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Tôn Hiếu H biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Th khởi kiện ly hôn đối với anh và yêu cầu được nuôi con, nhưng anh H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự đến để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng cả hai lần anh H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H, tại phiên tòa ngày hôm nay anh H vẫn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Th có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Th và bị đơn H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Th và anh H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân Phường AB, Thành phố Rạch Giá là nơi cư trú một trong các bên của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu của chị Th xin ly hôn với anh H, Tòa án đã thu thập chứng cứ cụ thể là xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi anh, chị cùng sinh sống trước đây thấy rằng, trong thời gian chung sống anh chị có nhiều bất đồng, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cự cãi, chị Th phải đi làm thuê để kiếm tiền nuôi con và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn, vào năm 2014 chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột ở rạch giá sinh sống cho đến nay, nên anh chị không còn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, anh chị không còn thương yêu quan tâm lo lắng giúp đỡ lẫn nhau, nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[4] Về con chung, chị Th và anh H có 01 con chung tên Tôn Hiếu Vinh, sinh ngày 04/02/2008. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị Th không yêu cầu anh Hạnh cấp dưỡng nuôi con. cháu Vinh có văn bản thể hiện nguyện vọng được sống với chị Th. Thấy rằng, việc giao con cho chị Th nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và phù hợp với nguyện vọng của cháu Vinh nên chấp nhận yêu cầu của chị Th và đề nghị của Kiểm Sát viên giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tôn Hiếu Vinh sau khi ly hôn; về cấp dưỡng, chị Th không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, khoản 1, 2 Điều 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thu Th được ly hôn với anh Tôn Hiếu H.

[2]. Về con chung: giao cháu Tôn Hiếu Vinh, sinh ngày 04/02/2008 cho chị Th nuôi dưỡng. (hiện cháu Vinh đang sống với chị Th).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu, nên không xem xét.

[4]. Về tài sản và nợ chung: chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí, buộc chị Trương Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006151 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Trương Thị Thu Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện AM;
- UBND phường AB;
- Lưu HSVA,VP;

Lê Mỹ Huê